

Số: 38/2025/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 62/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thảo L, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp TM, xã QĐ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp P, xã ĐĐ, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp TM, xã QĐ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Chị Huỳnh Thị D, sinh năm 1997; Chị Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 2002 và anh Trần Quang Kh, sinh năm 1996; Địa chỉ liên hệ: đường số 3, Khu dân cư SM, phường BT, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965; anh Phạm Hoàng L, sinh năm 1992; Địa chỉ: 69/3 ấp TM, xã QĐ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị L, bà Đ và anh L: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp P, xã ĐĐ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Do chị L tự nguyện rút một phần yêu cầu đối với bà M với số tiền là 208.333.333 đồng nên không xem xét giải quyết.

2.2 Chị L và bà M thống nhất chấm dứt thoả thuận thế chấp quyền sử dụng đất số

82, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã QĐ, tỉnh Vĩnh Long trong hợp đồng vay tài sản được công chứng chứng thực vào ngày 17/01/2020, số sổ công chứng 122 quyền số 01/2020TP-CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Thạnh Phú, tỉnh BT.

2.3 Vào ngày 28/02/2026 bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thảo L số tiền là 380.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi là 80.000.000 đồng.

2.4 Vào ngày 28/02/2026 chị Phạm Thảo L trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã QĐ, tỉnh Vĩnh Long số vào sổ cấp GCN: CS11766 cho bà Nguyễn Thị M.

2.5 Do bà M tự nguyện rút lại yêu cầu hủy hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị M và bà Phạm Thảo L ngày 17/01/2020, số sổ công chứng 122 quyền số 01/2020TP-CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Thạnh Phú, tỉnh BT nên không xem xét giải quyết.

2.6 Trong vụ án này chị L, bà M không tranh chấp hay yêu cầu đối với bà Đ và anh L nên không xem xét giải quyết

2.7 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Thảo L được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.767.000 đồng theo biên lai thu số 0008734 ngày 19/02/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

- Bà Nguyễn Thị M tự nguyện nộp toàn bộ là 9.500.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng theo các biên lai 001299, 0012300, 0012300 ngày 23/5/2025 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012424 ngày 20/6/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú số tiền còn lại bà Nguyễn Thị M phải nộp là 8.300.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Vân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, T cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).